

Số: 1030/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Kinh tế phát triển

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-HVCSPT ngày 06/07/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ đề xuất của khoa Kinh tế phát triển và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Kinh tế phát triển, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 08 năm 2023
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO:	KINH TẾ PHÁT TRIỂN
MÃ SỐ:	7310105
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH:	KINH TẾ PHÁT TRIỂN

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo này là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có kiến thức và kỹ năng để làm việc một cách khoa học trong (1) nghiên cứu, phân tích, phản biện, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế của một quốc gia hay một vùng cụ thể; (2) xây dựng và thực thi các chương trình và dự án phát triển; (3) nghiên cứu về các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội - môi trường, về các mô hình phát triển của các quốc gia, các địa phương, các khu kinh tế, và các tập đoàn kinh tế; (4) phát triển hoạt động kinh tế và kinh doanh theo hướng bền vững và bao trùm.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức:** Sau khi học xong chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT1) Có kiến thức đại cương về kinh tế, từ đó nắm bắt được những quy luật kinh tế cơ bản cũng như cách thức vận hành của nền kinh tế;

(MT2) Có kiến thức đặc trưng của sinh viên ngành Kinh tế phát triển, gồm kiến thức nền tảng về kinh tế học, kiến thức chuyên sâu về kinh tế phát triển và về các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế; có kiến thức lý thuyết và thực tiễn về: chính sách và pháp luật trong kinh tế và kinh doanh; xây dựng và thực thi kế hoạch; phân tích, đánh giá, đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, và các chính sách phát triển kinh tế bền vững và bao trùm; phân tích, đánh giá, dự báo các vấn đề phát triển kinh tế xã hội;

(MT3) Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn về: đánh giá mô hình phát triển của các quốc gia, địa phương, các tổ chức kinh tế; xây dựng và đánh giá các chương trình và dự án phát triển; chính sách phát triển kinh tế bền vững và bao trùm; các nghiệp vụ kinh tế và kinh doanh mà sinh viên theo học ở các học phần tự chọn.

- **Về kỹ năng:** Sau khi học xong chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT4) Có kỹ năng so sánh sự khác biệt về phát triển giữa các nền kinh tế ở các cấp độ từ vĩ mô đến vi mô;

(MT5) Có kỹ năng vận dụng các lý thuyết phát triển, các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và các phương pháp nghiên cứu khác để phân tích chính sách, phân tích

tình hình kinh tế và kinh doanh; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, thông tin thực tiễn; ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào công việc và cuộc sống;

(MT6) Có các kỹ năng phổ biến của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế, gồm kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng dự báo thị trường, kỹ năng đàm phán và giao dịch, kỹ năng văn phòng; và các kỹ năng mềm khác như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

(MT7) Sau khi học xong chương trình này, sinh viên có khả năng tiếp tục tự học và phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bản thân; có thể làm việc độc lập, chủ động và có trách nhiệm cao trong công việc; Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, và có trách nhiệm với xã hội.

Về vị trí và nơi làm việc sau tốt nghiệp: Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có đủ năng lực để làm việc tại (nhưng không giới hạn ở) những vị trí sau:

- + Bộ phận xây dựng và thực thi chính sách phát triển kinh tế các cấp từ trung ương đến địa phương;
- + Bộ phận xây dựng, thực thi, đánh giá các chương trình và dự án phát triển;
- + Bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế, thị trường ở các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính, các tập đoàn, các doanh nghiệp, và các tổ chức kinh tế khác;
- + Bộ phận nghiên cứu chính sách, mô hình phát triển kinh tế ở các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- + Các bộ phận liên quan đến kinh tế và kinh doanh như marketing, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng, tài chính tại các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học:

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên sau khi ra trường có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

2. CHUẨN ĐẦU RA

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Tất cả sinh viên sau khi tốt nghiệp có những năng lực sau:

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện:

- (1) Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- (2) Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;
- (3) Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;
- (4) Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;

A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành:

- (5) Giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm; giải thích được chính sách và cơ chế vận hành của nền kinh tế theo cách tiếp cận địa lý và không gian kinh tế.
- (6) Vận dụng được các nguyên lý, đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;
- (7) Thực hiện được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;
- (8) Vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành:

- (9) Vận dụng được các lý thuyết phát triển kinh tế vào so sánh và đánh giá tình hình phát triển của các nền kinh tế từ cấp độ doanh nghiệp đến cấp độ quốc gia và khu vực;
- (10) Vận dụng được các lý thuyết kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, kinh tế phát triển vào phân tích và đánh giá chính sách, phân tích và đánh giá các tình huống kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn;
- (11) Áp dụng được các lý thuyết kinh tế và kinh doanh đã học vào xây dựng các mô hình nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;
- (12) Áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính và các phương pháp nghiên cứu khác để thực hiện các nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;
- (13) Đề xuất ý tưởng, trình bày, và ra quyết định về các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội;
- (14) Áp dụng kiến thức và kỹ năng của sinh viên khối ngành kinh tế về tài chính, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, marketing, quản trị vào hoạt động kinh tế và kinh doanh.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

(15) Có thể đọc tổng hợp tài liệu, thu thập thông tin và phân tích dữ liệu để: (i) giải thích sự khác nhau giữa các mô hình phát triển kinh tế; (ii) dự báo tình hình phát triển kinh tế; (iii) phân tích và đánh giá các chính sách phát triển kinh tế xã hội.

(16) Có thể thu thập dữ liệu, sử dụng các phương pháp khoa học và các phần mềm nghiệp vụ trong nghiên cứu và trong các nhiệm vụ cụ thể;

(17) Có kỹ năng ra quyết định;

(18) Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

(19) Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

(20) Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

3. Ma trận liên kết mục tiêu và chuẩn đầu ra (cđr) của chương trình đào tạo (ctdt)

Ký hiệu CĐR	CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CĐR1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;	x						
CĐR2	Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;	x		x				
CĐR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;	x				x		
CĐR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;	x	x	x				
CĐR5	Giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;	x	x					
CĐR6	Vận dụng được các nguyên lý, đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;			x	x	x		
CĐR7	Thực hiện được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;		x	x	x	x		
CĐR8	Vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;		x					
CĐR9	Giải thích và vận dụng được các lý thuyết phát triển kinh tế vào so sánh và đánh giá tình hình phát triển của các nền kinh tế từ cấp độ doanh nghiệp đến cấp độ quốc gia và khu vực;		x	x		x		

Ký hiệu CĐR	CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CĐR10	Giải thích và vận dụng được các lý thuyết kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, kinh tế phát triển vào phân tích và đánh giá chính sách, phân tích và đánh giá các tình huống kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn;			x	x	x		
CĐR11	Áp dụng được các lý thuyết kinh tế và kinh doanh đã học vào xây dựng các mô hình nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;			x		x	x	
CĐR12	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính và các phương pháp nghiên cứu khác để thực hiện các nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh;	x		x				
CĐR13	Đề xuất ý tưởng, và ra quyết định về các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội;			x				
CĐR14	Áp dụng kiến thức và kỹ năng của sinh viên khối ngành kinh tế về tài chính, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, marketing, quản trị vào hoạt động kinh tế và kinh doanh.			x				
CĐR15	Có thể đọc tổng hợp tài liệu, thu thập thông tin và phân tích dữ liệu để: (i) giải thích sự khác nhau giữa các mô hình phát triển kinh tế; (ii) dự báo tình hình phát triển kinh tế; (iii) phân tích và đánh giá các chính sách phát triển kinh tế xã hội;					x	x	
CĐR16	Có thể thu thập dữ liệu, sử dụng các phương pháp khoa học và các phần mềm nghiệp vụ để đánh giá các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội;			x			x	
CĐR17	Có kỹ năng ra quyết định;						x	
CĐR18	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3						x	

Ký hiệu CĐR	CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
	theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;							
CĐR19	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;							X
CĐR20	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.							X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1. Giáo dục đại cương																							
1	LUDC01	Pháp luật đại cương		2							3											x	
2	TOĐC06	Tin học đại cương																					
3	TOCC05	Toán cao cấp			2																	x	
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2				2										x						
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			2	2	2				3					x		x			x	x	
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2																		x			
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																		x	x	
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			2	2	2				3					4		x			x	x	
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2															x			x	x	
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			2																x		
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3																			x		
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	2																				
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2																				
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2	2								3								x	x
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4																			x		
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*															x	x	x				
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*																			x		
Giáo dục quốc phòng																							
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*																				x	x
Giáo dục thể chất																							
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*																				x	x
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*																				x	x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*																				x	x
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành																							

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20													
1	QHDL07	Địa lý kinh tế				2										x																			
2	TOKT05	Kinh tế lượng			2					3								x		x	x														
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2			2	2	2									x		x		x	x														
4	KHCC06	Kinh tế công cộng			2	2	2									x		x		x	x														
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2			2	2	2									x		x		x	x														
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			2													x		x	x														
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) – Cơ sở ngành																																			
1	QTHO06	Quản trị học										4			3						x	x													
2	QTMC02	Marketing căn bản											4		3							x	x												
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo												4		3							x	x											
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán								3						3							x	x											
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			2	2										3								x	x										
6	TCTH26	Thuế								3						3									x	x									
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp			2											3										x	x								
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			2																						x	x							
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu			2																							x	x						
10	LUKT31	Tư duy pháp lý		2							3																		x	x					
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư			2	2	2																						x	x					
12	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python			2																									x	x				
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành																																			
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 1			2					3			3		3	4															x	x			
2	KHCO09	Đầu tư công		2									3																			x	x		
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế		2							3	3					3															x	x		
4	KHKT11	Kinh tế phát triển			2	2	2					3			4																	x	x		
5	KHKT15	Kế hoạch hóa phát triển		2		2				3					4																		x	x	
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế																																x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành																						
1	QTNL03	Quản trị nhân lực										4			3						x	x
2	QTCL01	Quản trị chiến lược										4			3						x	x
3	TCKQ01	Kế toán quản trị								3					3						x	x
4	TCKH04	Kế toán tài chính								3					3						x	x
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế		2						3					3						x	x
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp										4			3						x	x
7	LUKT18	Luật thương mại		2											3				x		x	x
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư		2								3										
9	QTDM01	Digital Marketing				2									3						x	x
10	QTMS01	Marketing dịch vụ				2		4							3						x	x
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp									3	3									x	x
12	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark			2																x	x
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành																						
1	KTKT08	Kinh tế phát triển 2			2	2	2				3								x		x	x
2	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh			2	2	2				3								x		x	x
3	KTPT17	Phân tích không gian			2		2	4							4		x	x	x		x	x
4	QTTT02	Nghiên cứu thị trường			2	2	2	4							3	x	x	x			x	x
5	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích			2		2	4							4	3	x	x	x		x	x
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành																						
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng				2						4			3						x	x
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư				2						3			3						x	x
3	TCTH0	Kế toán thuế													3						x	x
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK		2								3			3						x	x
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế		2											3						x	x
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R			2																x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
7	PTDL13	Công nghệ tài chính			2																x	x
8	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư			2	2						4									x	x
9	TCCCK25	Thị trường chứng khoán		2	2	2						4									x	x
10	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp		2																	x	x
11	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính																			x	x
12	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư		2	2						3			4			x				x	x
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý				2			4												x	x
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách				2			4												x	x
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao				2			4												x	x
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội				2			4												x	x
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công				2				4				4							x	x
8. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp																						
1	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp			2									3			x		x		x	x
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp			2									3			x		x		x	x
3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế			2			4	3		3			3			x		x		x	x
4	QHBV01	Phát triển bền vững				2	4	3									x		x		x	x

Ghi chú:

Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 - 4 năm

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo

8. THANG ĐIỂM: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM GDTC & QP)	41	15	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	28	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	9	20.7%
2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	18	6	
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn	9	3	
2.2. Kiến thức ngành	27	9	20.7%
2.2.1. Kiến thức ngành bắt buộc	18	6	
2.2.2. Kiến thức ngành lựa chọn	9	3	
2.3. Kiến thức chuyên ngành	25	8	19.2%
2.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	16	5	
2.3.2. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn	9	3	
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	43	100%

10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Phát triển

TT	Mã học phần	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	31,5%
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	2
2	TOĐC06	Tin học đại cương	3	2
3	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	1
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	2
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	3
16	<i>QTKN01</i>	<i>Phát triển kỹ năng*</i>	3	3
17	<i>TACB01</i>	<i>Tiếng Anh cơ bản 1*</i>	3	1
Giáo dục thể chất			2	2
18	<i>GDTC08</i>	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	3	1
19	<i>GDTC06</i>	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	3	3
20	<i>GDTC07</i>	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	3	3
Giáo dục quốc phòng				
21	<i>GDQP03</i>	<i>Giáo dục quốc phòng*</i>	8	1
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			18	13,8%
1	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	4
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
4	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	5
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	5
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			9	6,9%
1	QTHO06	Quản trị học	3	4
2	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	3	5
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
6	TCTH26	Thuế	3	5
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	3	4

8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	3	5
10	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python	3	5
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
12	LUKT31	Tư duy pháp lý	3	5
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			18	13,8%
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	4	5
2	KHCO09	Đầu tư công	3	5
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
5	KHKT11	Kinh tế phát triển	3	6
6	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	3	6
7	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			9	6,9%
1	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	6
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
3	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	7
4	TCKH04	Kế toán tài chính	3	7
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	7
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3	7
7	LUKT18	Luật thương mại	3	6
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	3	6
9	QTDM01	Digital Marketing	3	6
10	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	6
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3	6
12	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark		6
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			16	12,3%
1	KTKT08	Kinh tế phát triển 2	3	7
2	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh	3	7
3	KTPT17	Phân tích không gian	4	7
4	QTTT02	Nghiên cứu thị trường	3	7
5	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	3	7
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			9	6,9%
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
3	TCTH0	Kế toán thuế	3	6
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	6
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R	3	6
7	PTDL13	Công nghệ tài chính	3	7
8	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
9	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6

10	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp	3	6
11	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
12	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý	3	6
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách	3	6
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	3	6
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	3	7
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công	3	7
8. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp			10	7,7%
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	8
4	QHBV01	Phát triển bền vững	3	8
TỔNG (Không bao gồm GDTC và GDQP)			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1030/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 08 năm 2023
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO:	KINH TẾ PHÁT TRIỂN
MÃ SỐ:	7310105
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH:	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo này là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có kiến thức và kỹ năng để làm việc một cách khoa học trong: xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ở cả khu vực công và khu vực tư; nghiên cứu, đánh giá, dự báo tình hình kinh tế xã hội; nghiên cứu và đánh giá chính sách, chương trình, dự án; thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; các hoạt động vì trách nhiệm xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Sau khi học xong chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT1) Có kiến thức đại cương về kinh tế, từ đó nắm bắt được những quy luật kinh tế cơ bản cũng như cách thức vận hành của nền kinh tế;

(MT2) Có kiến thức đặc trưng của sinh viên ngành Kinh tế phát triển, gồm kiến thức về: thực tiễn chính sách và pháp luật trong kinh tế và kinh doanh; xây dựng và thực thi kế hoạch; phân tích, đánh giá, đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, và các chính sách phát triển kinh tế bền vững và bao trùm; phân tích, đánh giá, dự báo các vấn đề phát triển kinh tế xã hội;

(MT3) Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn: trong xây dựng và thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển ở cả khu vực công và khu vực tư; trong nghiên cứu, đánh giá các chương trình và dự án phát triển; trong các nghiệp vụ kinh tế và kinh doanh mà sinh viên theo học ở các học phần tự chọn.

Về kỹ năng: Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT4) Có kỹ năng đọc, thu thập thông tin, tổng hợp tài liệu, vận dụng lý thuyết, phân tích và xử lý các dạng dữ liệu gồm dữ liệu định tính, dữ liệu định lượng và dữ liệu không gian để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

(MT5) Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, tự cập nhật kiến thức và thông tin.

(MT6) Có các kỹ năng phổ biến của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế, gồm kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng dự báo thị trường, kỹ năng đàm phán và giao dịch, kỹ năng

văn phòng; và các kỹ năng mềm khác như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

(MT7) Sau khi học xong chương trình này, sinh viên có khả năng tiếp tục tự học và phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bản thân; có thể làm việc độc lập, chủ động và có trách nhiệm cao trong công việc; Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, và có trách nhiệm với xã hội.

Về vị trí và nơi làm việc sau tốt nghiệp: Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có đủ năng lực để làm việc tại (nhưng không giới hạn ở) những vị trí sau:

- + Bộ phận xây dựng, thực thi, theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch phát triển các cấp từ trung ương đến địa phương;
- + Bộ phận xây dựng, thực thi, theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch tại các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- + Bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế, thị trường ở các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính, các tập đoàn, các doanh nghiệp, và các tổ chức kinh tế khác
- + Các bộ phận liên quan đến kinh tế và kinh doanh như marketing, kế toán, kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng, tài chính tại các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học:

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên sau khi ra trường có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

2. CHUẨN ĐẦU RA

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Tất cả sinh viên sau khi tốt nghiệp có những năng lực sau:

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện:

(1) Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;

- (2) Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;
- (3) Vận dụng phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;
- (4) Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;

A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành:

- (5) Giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;
- (6) Đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;
- (7) Vận dụng được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;
- (8) Vận dụng được các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành:

- (9) Vận dụng được lý thuyết và các phương pháp lập kế hoạch vào việc xây dựng và thực thi kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân và kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội;
- (10) Áp dụng được lý thuyết và các phương pháp phân tích không gian vào quá trình xây dựng và đánh giá một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;
- (11) Phân tích được các mô hình kinh tế phát triển khác nhau;
- (12) Trình bày và phân tích, ra quyết định được trước các tình huống pháp luật trong kinh tế, kinh doanh, thương mại và đầu tư;
- (13) Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định lượng trong các phân tích về dự báo kinh tế vĩ mô, phân tích chi phí lợi ích, nghiên cứu thị trường, phân tích tài chính;
- (14) Áp dụng được các kiến thức về quản trị, marketing, kế toán, tài chính và xuất nhập khẩu vào xây dựng và thực thi kế hoạch ở các cấp độ khác nhau.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- (15) Có khả năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách;
- (16) Có khả năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến xây dựng, thực thi và đánh giá kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;
- (17) Có kỹ năng ra quyết định;
- (18) Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

(19) Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

(20) Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

3. MA TRẬN LIÊN KẾT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ký hiệu CĐR	CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CĐR1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;	x						
CĐR2	Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;	x	x					
CĐR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;	x			x			
CĐR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;	x	x	x				
CĐR5	Liệt kê được, nhận diện được, giải thích được cơ chế vận hành và tác động, đề xuất được ý tưởng các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;	x	x					
CĐR6	Đánh giá được nội dung, đề xuất được một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;		x		x	x		
CĐR7	Thực hiện được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;		x		x			
CĐR8	Vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;		x					
CĐR9	Vận dụng được lý thuyết và các phương pháp lập kế hoạch vào việc xây dựng và thực thi kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân và kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội;			x	x	x		
CĐR10	Áp dụng được lý thuyết và các phương pháp phân tích không gian vào quá trình xây dựng và đánh giá một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;			x	x	x		
CĐR11	Phân tích được các mô hình kinh tế phát triển khác nhau;		x	x			x	

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CDR12	Ra quyết định được trước các tình huống pháp luật trong kinh tế, kinh doanh, thương mại và đầu tư;			x			x	
CDR13	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định lượng trong các phân tích về dự báo kinh tế vĩ mô, phân tích chi phí lợi ích, nghiên cứu thị trường, phân tích tài chính, phân tích dữ liệu lớn;				x		x	
CDR14	Áp dụng được các kiến thức về quản trị, marketing, kế toán, tài chính và xuất nhập khẩu vào xây dựng và thực thi kế hoạch ở các cấp độ khác nhau.			x		x		
CDR15	Có thể đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách;			x	x	x	x	
CDR16	Có thể trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến xây dựng, thực thi và đánh giá kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch cho khu vực doanh nghiệp tư nhân;			x		x	x	
CDR17	Có kỹ năng ra quyết định;						x	
CDR18	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;						x	
CDR19	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;						x	x
CDR20	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.						x	x

4. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA HỌC PHẦN VÀO MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Giáo dục đại cương																						
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương		2																		
2	TOĐC06	Tin học đại cương																				
3	TOCC05	Toán cao cấp			3															X	X	
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2				2															
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1				2	2														X	X
6	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2																		X		
7	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																		X	X
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1				2	2														X	X
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2																		X	X
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			3																X	
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3																		X		
12	THML04	Triết học Mác - Lênin	2																			
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2																			
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3	2														X	X	X
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4																		X		
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*														X	X	X				
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*																		X		
Giáo dục quốc phòng																						
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*																			X	X
Giáo dục thể chất																						
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*																			X	X
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*																			X	X
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*																			X	X
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành																						

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																				
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1	QHĐL07	Địa lý kinh tế					2																
2	TOKT05	Kinh tế lượng			3						3			3					x		x	x	
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2				2	2												x		x	x	
5	KHCC06	Kinh tế công cộng				2	2												x		x	x	
6	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2				2	2												x		x	x	
7	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			3									3					x		x	x	
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) – Cơ sở ngành																							
1	QTHO06	Quản trị học					2							4		3					x	x	
2	QTMC02	Marketing căn bản					2							4		3					x	x	
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo					2							4		3					x	x	
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán																			x	x	
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ				2															x	x	
6	TCTH26	Thuế																			x	x	
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp			3																x	x	
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			3																x	x	
9	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu																			x	x	
10	LUKT31	Tư duy pháp lý		2																	x	x	
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư				2	2		3										x		x	x	
12	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp		2					3												x	x	
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành																							
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 1			3				3					4	3					x		x	x
2	KHCO09	Đầu tư công		2																x		x	x
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế		2						3	3					3				x		x	x
4	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển		2				4			3						x			x		x	x
5	KHKT11	Kinh tế phát triển				2	2					3	4				x			x		x	x
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế																		x		x	x
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành																							

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	QTNL03	Quản trị nhân lực					2								3						x	x
2	QTCL01	Quản trị chiến lược					2														x	x
3	TCKQ01	Kế toán quản trị					2		3						3				x		x	x
4	TCKH04	Kế toán tài chính					2		3						3				x		x	x
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế					2		3						3						x	x
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp					2		3						3						x	x
7	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python					2								3						x	x
8	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu					2								3						x	x
9	LUKT18	Luật thương mại		2			2						3									
10	QTMS01	Marketing dịch vụ												4	3							
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp					2							4	3							
12	LUKT26	Pháp luật về đầu tư		2			2		3												x	x
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành																						
1	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư			3		2	4							3							
3	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích			3		2	4							3							
4	KTPT17	Phân tích không gian					2	4				3			3							
5	KTPT15	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 2			3		2	4	4						3							
6	QTTT02	Nghiên cứu thị trường			3		2	4			3				3							
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành																						
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng					2		4						3				x		x	x
2	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư		2			2		4						3				x		x	x
3	TCTH0	Kế toán thuế					2		4						3				x		x	x
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh 5NK		2			2		4						3				x		x	x
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế		2			2								3				x		x	x
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R			3		2												x		x	x
7	PTDL13	Công nghệ tài chính					2												x		x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
8	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính		2			2												x		x	x
9	TCCCK25	Thị trường chứng khoán		2															x		x	x
10	TCĐG01	Định giá tài sản		2											3				x		x	x
11	TCCCK06	Phân tích và đầu tư chứng khoán		2	3		2								3				x		x	x
12	QTDM01	Digital marketing					2								3				x		x	x
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý				2			4												x	x
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách				2			4												x	x
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao				2			4												x	x
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội				2			4												x	x
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công				2				4					3						x	x
8. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp																						
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp							4					4	3		x		x	x	x	x
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp							4					4	3		x		x		x	x
3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế				3			4					4	3		x		x		x	x
4	KTPT19	Kế hoạch phát triển thị trường				3					4			4	3		x	x	x		x	x

Ghi chú:

Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

- 4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 3,5 - 4 năm
- 5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 130 tín chỉ
- 6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 8. THANG ĐIỂM:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM GDTC & QP)	41	15	31.5%
3. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	38	68.5%
3.1. Kiến thức cơ sở ngành	30	15	30.7%
<i>3.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>	31	7	
<i>3.1.3. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn</i>	9	3	
3.3. Kiến thức ngành	34	9	30.7%
<i>3.3.1. Kiến thức ngành bắt buộc</i>	18	7	
<i>3.3.3. Kiến thức ngành lựa chọn</i>	6	3	
3.3. Kiến thức chuyên ngành	35	8	19.3%
<i>3.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>	19	6	
<i>3.3.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn</i>	6	3	
3.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	3	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	49	100%

10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kế hoạch Phát triển

TT	Mã học phần	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	31,5%
1	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	3
3	TOĐC06	Tin học đại cương	3	3
3	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	3	1
5	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
6	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	1
7	THTT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1
8	KHMA03	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	1
10	TOLT07	Lý thuyết 5ác suất và thống kê toán	3	3
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	3
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	3
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
17	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
Giáo dục thể chất				
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	3	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 3*	3	3
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	3	3
Giáo dục quốc phòng				
21	GDQP03	Giáo dục quốc phòng*	8	1
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			18	13,8%
1	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	4
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 3	3	4
4	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	5
5	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 3	3	5
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			9	6,9%
1	QTHO06	Quản trị học	3	4
3	QTMC03	Marketing căn bản	3	4
3	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	3	5
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
5	TCTT33	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4

6	TCTH36	Thuế	3	5
7	TCDN34	Tài chính doanh nghiệp	3	4
8	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
9	PTDL03	Cơ sở của khoa học dữ liệu	3	5
10	LUKT31	Tư duy pháp lý	3	5
11	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
12	LUKT13	Pháp luật doanh nghiệp	3	5
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			18	13,8%
1	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 1	4	5
3	KHCO09	Đầu tư công	3	5
3	LUKT03	Pháp luật kinh tế	3	5
4	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	3	6
5	KHKT11	Kinh tế phát triển	3	6
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	3	6
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			9	6,9%
1	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	6
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
3	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	7
4	TCKH04	Kế toán tài chính	3	7
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	7
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3	7
7	PTDL05	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python	3	6
8	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	6
9	LUKT18	Luật thương mại	3	6
10	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	6
11	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3	6
12	LUKT36	Pháp luật về đầu tư	3	6
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			16	
1	KHKD08	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
3	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	3	7
3	KTPT17	Phân tích không gian	4	7
4	KHPD15	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô 3	3	7
5	QTTT03	Nghiên cứu thị trường	3	6
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			9	6,9%
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
3	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
3	TCTH0	Kế toán thuế	3	6
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh 5NK	3	6
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
6	PTDL11	Phân tích dữ liệu lớn với R	3	6
7	PTDL13	Công nghệ tài chính	3	7
8	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
9	TCTĐ17	Thị trường chứng khoán	3	6

10	TCĐG01	Định giá tài sản	3	7
11	TCCK06	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	7
12	TCCK06	Digital Marketing	3	6
13	CHPT04	Kinh tế học quản lý	3	6
14	CHPT01	Các mô hình kinh tế vĩ mô và ứng dụng chính sách	3	6
15	CHPT14	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	3	6
16	CHPT11	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	3	7
17	CHKT03	Thẩm định dự án đầu tư công	3	7
8. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp			10	7,7%
1	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp	6	8
3	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
3	KTPT18	Phân tích định lượng trong kinh tế	3	8
4	KTPT19	Kế hoạch phát triển thị trường	3	8
TỔNG			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1030 /QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 08 năm 2023
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO:	KINH TẾ PHÁT TRIỂN
MÃ SỐ:	7310105
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH:	KINH TẾ HỢP TÁC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế Hợp tác được xây dựng theo định hướng ứng dụng, đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, có kiến thức và kỹ năng cơ bản trong xây dựng, thực thi, theo dõi và đánh giá kế hoạch, chính sách về phát triển kinh tế hợp tác; phát triển hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác ở thị trường trong nước và trên thị trường thế giới; thực hiện các hoạt động hợp tác phát triển và phát triển cộng đồng; có tư duy độc lập; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức:** Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT1) Có kiến thức nền tảng về đặc điểm, vai trò, xu thế phát triển của khu vực kinh tế hợp tác;

(MT2) Có kiến thức nền tảng về lý thuyết và thực tiễn về kinh tế học, thống kê, phát triển bền vững và bao trùm, phát triển cộng đồng, chính sách và pháp luật có liên quan đến các loại hình kinh tế hợp tác cũng như các hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác như: quản trị, nghiên cứu thị trường, marketing, tài chính, thương mại và kinh doanh quốc tế.

- **Về kỹ năng:** Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ:

(MT3) Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu phục vụ nghiên cứu thực tiễn liên quan đến tình hình phát triển khu vực kinh tế hợp tác, theo dõi và đánh giá thực hiện chính sách về kinh tế hợp tác;

(MT4) Có kỹ năng ứng dụng các lý thuyết đã học vào quan sát, nghiên cứu và phân tích tình hình thực tiễn và ra quyết định phát triển khu vực kinh tế hợp tác. Kỹ năng xây dựng quan hệ cộng đồng và phát triển mối quan hệ hợp tác. Kỹ năng quản lý tổ chức, xây dựng kế hoạch, nghiên cứu thị trường và các kỹ năng khác để có thể kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

(MT5) Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có khả năng làm việc độc lập, có thể tham gia làm việc ở một tổ chức kinh tế hợp tác, hoặc cao hơn là tự thành lập một tổ chức kinh tế hợp tác. Sinh viên cũng có khả năng tham gia xây dựng chính sách hoặc đề xuất ý tưởng về phát triển khu vực kinh tế hợp tác.

- Về vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Sau khi học chương trình này, sinh viên sẽ có đủ năng lực để làm việc ở những cơ quan sau:

+ Các cơ quan xây dựng và thực thi chính sách cấp trung ương và địa phương về phát triển khu vực kinh tế hợp tác;

+ Các hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã, hoặc các loại hình kinh tế hợp tác khác;

+ Các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế thuộc các khu vực trong nền kinh tế;

+ Các tổ chức phi chính phủ, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ về phát triển cộng đồng.

2. CHUẨN ĐẦU RA

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện:

(1) Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;

(2) Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;

(3) Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;

(4) Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;

A.2. Chuẩn đầu ra chung ngành:

(5) *Giải thích* được cơ chế vận hành và cơ chế tác động, *đề xuất ý tưởng* các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;

(6) *Phác thảo quy trình* xây dựng, *vận dụng* các nguyên lý, *trình bày nội dung, giải thích, phân tích*, và *đề xuất* một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;

- (7) *Thực hiện* các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;
- (8) *Phân tích tình huống, vận dụng* các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành:

- (9) *Liệt kê* một số loại hình tổ chức kinh tế hợp tác trong nước và trên thế giới, *kể lại được* một số tổ chức kinh tế hợp tác thành công; *phân biệt* sự khác nhau giữa tổ chức kinh tế hợp tác với các loại hình kinh tế khác, đặc biệt là sự khác nhau giữa hợp tác xã và doanh nghiệp; giữa quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã, và các tổ chức tài chính khác;
- (10) *Trình bày* mô hình quản lý nhà nước, các chính sách và quy định pháp luật về phát triển khu vực kinh tế hợp tác ở Việt Nam; *Vận dụng* kiến thức lý thuyết và thực tiễn học được vào *xây dựng và thực thi kế hoạch* phát triển cộng đồng;
- (11) Có thể vận dụng kiến thức lý về quản trị, nghiên cứu thị trường, marketing, kế toán, tài chính, hoạt động thương mại quốc tế để *tham gia* các vào *triển khai* hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác và tham gia các nghiệp vụ kinh doanh trong môi trường quốc tế;

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- (12) Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;
- (13) Có kỹ năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách; Có kỹ năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến phát triển cộng đồng, phát triển bền vững và bao trùm; hoặc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác.
- (14) Có kỹ năng ra quyết định.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

- (15) Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;
- (16) Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

3. MA TRẬN LIÊN KẾT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
CDR1	Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;	x				
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước, quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;	x	x			
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;		x		x	
CDR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới;		x	x		
CDR5	<i>Giải thích</i> được cơ chế vận hành và cơ chế tác động, <i>đề xuất ý tưởng</i> các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô, và chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững và bao trùm;	x	x			
CDR6	<i>Phác thảo quy trình</i> xây dựng, <i>vận dụng</i> các nguyên lý, <i>trình bày nội dung, giải thích, phân tích</i> , và <i>đề xuất</i> một bản kế hoạch cho phát triển kinh tế xã hội hoặc trong hoạt động của một tổ chức kinh tế;			x	x	x
CDR7	<i>Thực hiện</i> được các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế;		x		x	
CDR8	Vận dụng được các quy định pháp luật liên quan đến kinh tế và kinh doanh;		x			
CDR9	<i>Liệt kê</i> một số loại hình tổ chức kinh tế hợp tác trong nước và trên thế giới, <i>kể lại</i> được một số tổ chức kinh tế hợp tác thành công; <i>phân biệt</i> sự khác nhau giữa tổ chức kinh tế hợp tác với các loại hình kinh tế khác, đặc biệt là sự khác nhau giữa hợp tác xã và doanh nghiệp; giữa quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã, và các tổ chức tài chính khác;	x				x
CDR10	<i>Trình bày</i> mô hình quản lý nhà nước, các chính sách và quy định pháp luật về phát triển khu vực kinh tế hợp tác ở Việt Nam; <i>Vận dụng</i> kiến thức lý thuyết và thực tiễn học được vào <i>xây dựng và thực thi kế hoạch</i> phát triển cộng đồng;		x		x	x

Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
CDR11	Có thể vận dụng kiến thức lý về quản trị, nghiên cứu thị trường, marketing, kế toán, tài chính, hoạt động thương mại quốc tế để <i>tham gia</i> các vào <i>triển khai</i> hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác và tham gia các nghiệp vụ kinh doanh trong môi trường quốc tế;		x			x
CDR12	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn;			x		
CDR13	Có kỹ năng đọc tổng hợp tài liệu, thu thập và phân tích dữ liệu để xây dựng, đánh giá kế hoạch và chính sách; Có kỹ năng trình bày, giải thích, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến phát triển cộng đồng, phát triển bền vững và bao trùm; hoặc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế hợp tác.			x		
CDR14	Có kỹ năng ra quyết định.			x		
CDR15	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;				x	
CDR16	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.				x	

4. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA HỌC PHẦN VÀO MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. Giáo dục đại cương																		
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	2														x	x
2	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2														x	x
3	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2														x	x
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2														x	x
5	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2														x	x
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1				2	4										x	x
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1				2	4										x	x
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2									x			x	x
9	TOCC05	Toán cao cấp			2												x	x
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			2				3								x	x
11	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*											x				x	x
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2											x				x	x
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3											x				x	x
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4											x				x	x
15	LUĐC01	Pháp luật đại cương		2													x	x
16	TOĐC06	Tin học đại cương															x	x
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*												x	x			
Giáo dục thể chất																		
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*															x	x
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*															x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*															X	X	
Giáo dục quốc phòng																			
21	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*															X	X	
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành																			
1	TOKT05	Kinh tế lượng			2											X	X	X	
2	KHMI03	Kinh tế vi mô 2				2	4										X	X	
3	KHCC06	Kinh tế công cộng				2	4										X	X	
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2				2	4										X	X	
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			2				3							X	X	X	
6	QTHO06	Quản trị học															X	X	X
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành																			
1	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo															X	X	X
2	QTDM01	Digital Marketing														X	X	X	
3	QTBH01	Quản trị bán hàng															X	X	X
4	QTNL03	Quản trị nhân lực															X	X	X
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ															X	X	
6	TCTH26	Thuế															X	X	
7	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp															X	X	
8	KHĐT05	Kinh tế đầu tư															X	X	
9	TCCK25	Thị trường chứng khoán														X	X	X	
10	QHĐL07	Địa lý kinh tế															X	X	
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành																			

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	LUKT02	Pháp luật kinh tế			2	2				4							x	x
2	KHKT11	Kinh tế phát triển			2	2											x	x
3	ĐNTM08	Thương mại quốc tế			2	2				4							x	x
4	QTMC02	Marketing căn bản															x	x
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán															x	x
6	KTPT27	Nhập môn kinh tế hợp tác									2						x	x
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành																		
2	QTCL01	Quản trị chiến lược										3			x	x	x	
3	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp										3					x	x
4	TCKQ01	Kế toán quản trị								4		3					x	x
5	TCKH04	Kế toán tài chính								4		3					x	x
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp										3					x	x
7	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư															x	x
8	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư															x	x
9	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư															x	x
10	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính															x	x
11	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư								4							x	x
12	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô				2			3					x			x	x
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành																		
1	QH BV01	Phát triển bền vững					4										x	x
2	KTPT21	Phát triển cộng đồng					4				3						x	x
3	KTPT17	Kế hoạch phát triển						4									x	x
4	KTPT22	Quản lý tổ chức kinh tế hợp tác						4			2	3	3			6	x	x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
5	KTPT23	Chính sách và pháp luật trong hoạt động kinh tế hợp tác								4	2	3					x	x		
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế													x		x	x		
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành																	3	x		
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng			2								3			6	x	x		
2	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu			2					4			3			6	x	x		
3	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế								4							x	x		
4	TCTH0	Kế toán thuế								4			3				x	x		
5	QTTT02	Nghiên cứu thị trường			2										x		x	x		
6	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh							4							x		x	x	
7	KTPT17	Phân tích không gian							4							x		x	x	
8	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích							4				3			x		x	x	
9	QTSX01	Quản trị sản xuất và tác nghiệp											3					x	x	
8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn tốt nghiệp)																				
1	KTPT25	Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương							4									x	x	
2	KTPT26	Thống kê hoạt động kinh tế hợp tác			2				4									x	x	
9. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp																				
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp										2	3	3			x		x	x
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp										2	3				x		x	x

Ghi chú:

Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

- 4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 3,5 - 4 năm
- 5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 130 tín chỉ
- 6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 8. THANG ĐIỂM:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM GDTC & QP)	41	15	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	94	30	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	30	10	20.7%
<i>2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>	21	7	
<i>2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn</i>	9	3	
2.2. Kiến thức ngành	24	8	20.7%
<i>2.2.1. Kiến thức ngành bắt buộc</i>	15	5	
<i>2.2.2. Kiến thức ngành lựa chọn</i>	9	3	
2.3. Kiến thức chuyên ngành	30	10	19.2%
<i>2.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>	21	7	
<i>2.3.2. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn</i>	9	3	
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	135	58	100%

10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Hợp tác

TT	Mã học phần	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ
1. Giáo dục đại cương			41
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	3
2	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
3	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2
5	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
9	TOCC05	Toán cao cấp	3
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
11	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3
12	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3
15	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3
16	TOĐC06	Tin học đại cương	3
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3
Giáo dục thể chất.			
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2
Giáo dục quốc phòng			
21	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			18
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3
2	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3
3	KHCC06	Kinh tế công cộng	3
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3
5	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3

6	QTHO06	Quản trị học	3
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			9
1	QTDM01	Digital Marketing	3
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3
3	QTNL03	Quản trị nhân lực	3
4	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3
5	TCTH26	Thuế	3
6	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	3
7	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3
8	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	3
9	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3
10	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			18
1	KTPT27	Nhập môn Kinh tế hợp tác	3
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3
3	KHKT11	Kinh tế phát triển	3
4	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3
5	QTMC02	Marketing căn bản	3
6	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			9
1	QTDM01	Digital Marketing	3
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3
3	QTTT01	Truyền thông Marketing tích hợp	3
4	TCKQ01	Kế toán quản trị	3
5	TCKH04	Kế toán tài chính	3
6	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3
7	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3
8	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3
9	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư	3
10	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3
11	TCĐT17	Thẩm định dự án đầu tư	3
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			16
1	QHBV01	Phát triển bền vững	2

2	KTPT21	Phát triển cộng đồng	3
3	KTPT17	Kế hoạch phát triển	3
4	KTPT22	Quản lý tổ chức kinh tế hợp tác	3
5	KTPT23	Chính sách và Pháp luật về kinh tế hợp tác	3
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			9
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3
2	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3
3	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3
4	TCTH0	Kế toán thuế	3
5	KTPT20	Kinh tế phát triển so sánh	3
6	KTPT17	Phân tích không gian	3
7	KTPT16	Phân tích chi phí lợi ích	3
8	QTSX01	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3
9	QTTT02	Nghiên cứu thị trường	3
8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn tốt nghiệp)			6
1	KTPT25	Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương	3
2	KTPT26	Thống kê hoạt động kinh tế hợp tác	3
9. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp			10
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4
TỔNG (Không bao gồm GDTC và GDQP)			130

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo